

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 19/02/2021

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P11+CLO	7:25	4+18	0+0		4+18	0+0	
2		TD1+P9	7:25	17+5	0+0		13+5	0+0	
3		RC3+P9	7:25	4+18	0+0		0+20	0+0	
4		BK5+P10	7:25	6+16	0+0		1+17	0+0	
5		PPD+BK4+BK15	9:25	5+5+12	0+0+0		1+4+7	0+0+0	Chuyen 1 PPD-BK4
6		P2	9:25	22	0		21	0	
7		P9+BK3+BK10	9:25	7+9+6	0+0+0		5+4+5	0+0+0	
8		BK16+P10	11:25	11+11	0+0		0+10	0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	TO: P11 - CLO	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Phong - V Linh - DTùng	ETA: 09:10
xanh-1			

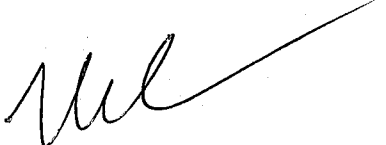
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VIỆT DÙNG	P11	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG XUÂN THAI	P11	41-42	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAI	P11	43-44	2	11	25	63	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LINH	P11	45	1	4		68	PSV	Vietnamese
5	ĐINH XUÂN PHU*TT	CLO	49	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN QUANG HIEN	CLO	57-58	2	7		64	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN MANH HUNG	CLO	59	1	3		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN KHOA	CLO	62	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	PHUNG BA TUAT	CLO	55	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
10	LUONG TAN HAI-PVD	CLO	54	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	ĐO TRƯỜNG GIANG	CLO	60	1	10		77	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN CONG BANG	CLO	56	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
13	VU MANH HUNG	CLO	64	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
14	LÊ HUU HAU	CLO	53	1	6		74	KHOAN	Vietnamese
15	BUI XUÂN DUY	CLO	63	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
16	NG VAN LUC*CAM-PVDT	CLO	48	1	6		55	KHOAN	Vietnamese
17	ĐOAN VAN MUOI	CLO	61	1	12		60	KHOAN	Vietnamese
18	ĐOAN VAN KHUU	CLO	47	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
19	NGO DUY NGOC	CLO	68	1	15	25	65	KHOAN	Vietnamese
20	TRAN VAN MANH	CLO	65	1	13		60	KHOAN	Vietnamese
21	TA HOAI TRANG	CLO	52	1	8		77	ANTOAN	Vietnamese
22	BUI MINH KHA	CLO	50-51	2	5		58	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P11	4	6	30	269	25	4		
2	CLO	18	20	128	1.230	25	18		
TOTAL		22	26	158	1.499	50	22		
WEIGHT KG				158	1.499	50			

GRAND TOAL: 1.707 KGS

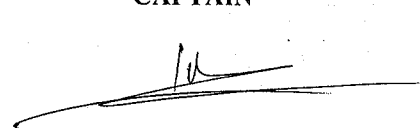
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: TD1 - P9	CREW: Hạnh - MTHAO - Luy	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ ĐÌNH TUYNH	TD1	52	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
2	THAI ĐỨC TOÀN	TD1	68	1	4		60	KHOAN	Vietnamese
3	VŨ VĂN QUY	TD1	51	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN PHONG	TD1	64	1	3		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN QUANG	TD1	65	1	4		74	KHOAN	Vietnamese
6	TRỊNH HUY TOÀN	TD1	67	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM QUANG ANH	TD1	0				80	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN GIANG	TD1	32	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG NGOC SƠN	TD1	66	1	6		56	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU THIÊN ĐỨC	TD1	62	1	4	20	62	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ VĂN HẬU	TD1	61	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN TRƯỞNG-PVDT	TD1	63	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT TRUNG	TD1	56	1	12		87	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HAI LÂM	TD1	57	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM VĂN TRI	TD1	54	1	11		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD1	55	1	12		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ĐÔNG HÙNG	TD1	53	1	14		77	KHOAN	Vietnamese
18	VASYANKIN ALEXEY	P9	19	1	15		108	KH-THAC	Russian
19	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	21-22	2	20		77	KH-THAC	Vietnamese
20	YAKIMIDI RUSLAN	P9	20	1	10		92	KH-THAC	Russian
21	LÊ MINH THUY	P9	23	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN THANH HAI	P9	24	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	17	16	116	1.172	20	13		
2	P9	5	6	55	438	0	5		
TOTAL		22	22	171	1.610	20	18		
WEIGHT KG				171	1.610	20			

GRAND TOAL: 1.781 KGS + 20kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: RC3 - P9	CREW: Vận - XTrường - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THÈ VINH	RC3	57	1	8	20	68	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ BA HOA	RC3	25-26	2	22		75	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG CUONG	RC3	20-21	2	21		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG THANH	RC3	22-23	2	15		73	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYỄN BÀ KÝ	P9					78	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ VĂN THOẠI	P9	03	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC THAN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ AN CHUNG	P9	05	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN CAO CHỈ	P9	04	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ MINH THUY	P9					80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TÀI	P9	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN HÀ	P9	01	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN VĂN DŨNG	P9	17	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	11	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
17	HỒ SỸ BÌNH	P9	02	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC THANH	P9	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HẢI	P9	07	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI VĂN TUÂN	P9	10	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TIẾN TUNG	P9	12	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	13	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC3	4	7	66	286	20	0		
2	P9	18	14	67	1.272	0	20		
TOTAL		22	21	133	1.558	20	20		
WEIGHT KG				133	1.558	20			

GRAND TOAL: 1.711 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 19/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: BK5 - P10	CREW: ĐỨC - KHẢI - TDUNG	ETA: 09:25
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	BK5	43	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUÝ TÀI	BK5	44-45	2	15	45	58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HOANG NAM	BK5	42	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU XUAN TAM	BK5	41	1	11		69	KH-THAC	Vietnamese
5	TU DUONG HUNG	BK5	40	1	5		67	PSV	Vietnamese
6	HO ANH QUỐC	P10					73	KH-THAC	Vietnamese
7	SYSTEDV ROMAN	P10	94-95	2	10		78	KH-THAC	Russian
8	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	96	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐO QUANG HUNG	P10	88-89	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM HUYNH VŨ	P10					71	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN BAO LAM	P10	86	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC BA	P10	87	1	6		85	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ĐĂNG TUẤN	P10	92	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	97	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10				55	81	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC THANH	P10	93	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN LỢI	P10	98	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ CHI HIỆU	P10	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	84	1	4		77	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	90	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	85	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	6	56	355	45	1		
2	P10	16	15	71	1.116	55	17		
TOTAL		21	21	127	1.471	100	18		
WEIGHT KG				127	1.471	100			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	TO: PPD - BK4 - BK15	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: Phong - VLin - DTùng	ETA: 11:20
nau-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	PPD	45-46	2	17		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ XUÂN THẮNG	PPD	42	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG HUY	PPD	43-44	2	15		74	NHATHAU	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC TUÂN	PPD	36,40	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ ĐÌNH TỰ	PPD	41	1	5		66	YTE	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	31	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4	32	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	34	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	33	1	10	45	65	PSV	Vietnamese
10	HÀ VĂN NIỆM	BK4	38	1	5		70	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	BK15	55	1	9		68	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	60	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	64	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	54	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15				40	65	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ NGỌC TUÂN	BK15	53	1	7		75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN AI	BK15	58-59	2	18		58	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC QUANG	BK15	56-57	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN VĂN HOÀN	BK15	61	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
20	VÕ TẠ HÙNG	BK15	63	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY DƯƠNG	BK15	62	1	18		66	XAYLAP	Vietnamese
22	HOÀNG VĂN PHƯƠNG	BK15	65	1	5		63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

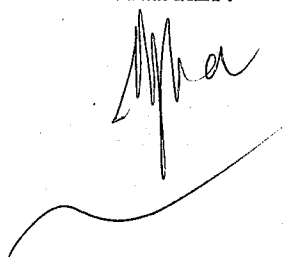
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	5	8	55	339	0	1	1	CHUYỂN 1 PAX PPD SANG BK4
2	BK4	5	5	31	350	45	4		
3	BK15	12	13	115	790	40	7		
TOTAL		22	26	201	1.479	85	12		
WEIGHT KG				201	1.479	85			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

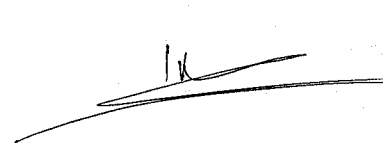
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	TO: P2	CREW: Hạnh - MTHAO - Luy	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG CHI TUYEN	P2	66	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	DAO VAN DUC	P2	76	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN THO	P2	69	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THANH LONG	P2	70	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
5	DUONG VAN THUAN	P2	71	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUOC TAN	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN CONG THANH	P2	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LE CONG LUU	P2	61	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LE QUY TOAN	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DUY NGOC	P2	56-57	2	12		67	KH-THAC	Vietnamese
11	LE THANH HAI	P2	74	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN KHAC CAN	P2	75	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	72	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN SON TIEN	P2	68	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG NGOC ANH CHIEN	P2	62	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	VO ANH NGOC	P2	65	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
17	DAO QUANG THIET	P2	73	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN HUU PHI	P2					73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DO	P2					66	KH-THAC	Vietnamese
20	ZAHARIN .S	P2	77-79	3	19		107	KH-THAC	Vietnamese
21	NGO KIM NGHIEM	P2	58-59	2	20	5	82	CODIEN	Vietnamese
22	KIM NHAT THANH	P2	63-64	2	19		72	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

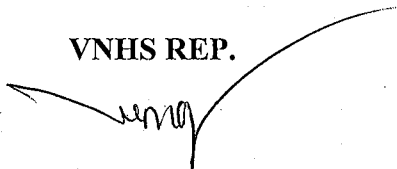
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	23	169	1.583	5	21		
	TOTAL	22	23	169	1.583	5	21		
	WEIGHT KG			169	1.583	5			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

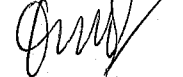
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 07	TO: P9 - BK3 - BK10	CREW: Vận - XTrường - Năm	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN BĂNG	P9	18	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN LỢI	P9	16	1	5	25	74	YTE	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG TUẤN	P9	26	1	5		56	PSV	Vietnamese
4	CAI TRẦN HOÀI VŨ	P9	29	1	5		75	PSV	Vietnamese
5	LÊ VĂN VIỆT	P9	14	1	3		78	PSV	Vietnamese
6	TRƯỜNG VĂN TOÀN	P9	15	1	10		55	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P9	25	1	8		70	PSV	Vietnamese
8	VŨ DUY KHƯƠNG	BK3	48	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	45	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THĂNG	BK3	47	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐẶNG TRỌNG BẠI	BK3	65	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ HỒNG LINH	BK3	67	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN DUY KHANH	BK3	49-50	2	16	20	82	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC HÙNG	BK3	66	1	6	46	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TUẤN MINH	BK3	42,44	2	12		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SA	BK3	41	1	8		66	PSV	Vietnamese
17	VŨ XUÂN THUY	BK10	43	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TRỌNG LINH	BK10	42	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HOANG GIANG	BK10	40	1	8		85	KH-THAC	Vietnamese
20	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	39	1	5	40	55	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ ANH	BK10	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	44	1	5		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	7	7	41	470	25	5		
2	BK3	9	11	87	662	66	4		
3	BK10	6	6	32	430	40	5		
TOTAL		22	24	160	1.562	131	14		
WEIGHT KG				160	1.562	131			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 19/02/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 08	TO: BK16 - P10 - P7	CREW: Hạnh - Mạnh - HIẾU	ETA: 13:35
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN NGU	BK16	70	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
2	HOANG VAN DUNG	BK16	65-66	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN HUNG LONG	BK16	63	1	15		58	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN VĂN HỌC	BK16	64	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
5	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK16	71-72	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ HỒNG DUONG	BK16	61-62	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC TUAN	BK16	60	1	20	20	82	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN PHI BĂNG	BK16	67	1	12	17	63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU TRUNG	BK16	51,69	2	16		68	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN KIM THÔNG	BK16	74	1	17		53	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM HỮU ANH	BK16	73	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	TRƯỜNG VĂN MINH	P10	75	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NAM	P10	73	1	8		94	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ PHƯƠNG HƯƠNG	P10	69	1	8	12	65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC CHÂN	P10	66	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ HOÀI THANH	P10	76-77	2	20		60	YTE	Vietnamese
17	TRẦN MINH BACH	P10	74	1	7		62	PSV	Vietnamese
18	BUI VĂN QUÂN 87	P10	72	1	2		66	PSV	Vietnamese
19	BUI VĂN NGUYỄN	P10	71	1	3		73	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN THE HANH	P10	79	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ ĐẠI DƯƠNG	P10	78	1	5		58	PSV	Vietnamese
22	VŨ MẠNH DUNG	P10	67-68	2	10		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	11	15	171	694	37	0		CHUYEN 3 PAX TU P10 SANG P7
2	P10	11	13	77	763	12	10+3		
3	P7	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	28	248	1.457	49	10		
WEIGHT KG				248	1.457	49			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN